

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ
KHOÁNG SẢN FLC STONE

Số: 03 /2020/CV-FLCSTONE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 1281
	Ngày: 13/11/20
Chuyển:	131.8
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC STONE

Mã chứng khoán: AMD

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243.2929222

Fax: 0243.2919222

Người công bố thông tin: Ông Nguyễn Đức Công

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung công bố:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 97042/QĐ-CT-TKT10-XPVPHC của Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 27/12/2019

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản FLC STONE vào ngày 08/01/2020, đường dẫn: <http://flcstone.vn> chuyên mục Quan hệ nhà đầu tư.

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Công

Số: 97042/QĐ-CT-TKT10-XPVPHC

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ các Luật thuế, Luật Phí và lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định ủy quyền số 74620/QĐ-CT ngày 25/09/2019 của Cục trưởng Cục thuế TP Hà Nội;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thuế ký ngày 27/12/2019 giữa Đoàn thanh tra và Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC Stone theo Quyết định số 91313/QĐ-CT-TKT10 ngày 06/12/2019 của Cục trưởng Cục thuế TP Hà Nội;

Căn cứ Kết luận thanh tra số 97041/KL-CT-TKT10 ngày 27/12/2019.

Căn cứ Quyết định số 74622/QĐ-CT ngày 25/09/2019 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cục Thuế TP Hà Nội;

Tôi: Viên Viết Hùng;

Chức vụ: Phó Cục trưởng, Cục Thuế TP Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC Stone.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội. Mã số thuế: 0102370070.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 20/9/2007, thay đổi lần 22 ngày 24/09/2019 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp.

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Đức Công

Giới tính: Nam.

Chức danh: Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:



- Về thuế GTGT: Tăng doanh thu do kê khai thiếu, Giảm Thuế GTGT đầu vào đối với sử dụng hóa đơn của DN bỏ địa chỉ kinh doanh theo thông báo của CQ Thuế; Giảm thuế GTGT đầu vào phân bổ cho doanh thu không chịu thuế; Giảm thuế GTGT đầu vào theo Biên bản thanh tra kỳ trước. Công ty vi phạm Điều 8, 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính; Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 sửa đổi khoản 2 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

- Về thuế TNDN: Tăng doanh thu do đơn vị kê khai thiếu; Giảm chi phí lãi vay theo điều chỉnh của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Như vậy Công ty vi phạm Công ty vi phạm Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014; Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính; Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ.

- Về thuế TNCN: Tăng thuế TNCN của nhân viên công ty và các cá nhân thuê ngoài do Công ty tính thiếu thuế TNCN phải nộp. Công ty đã vi phạm Điều 7, Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

3. Các tình tiết tăng nặng: Không có.

4. Các tình tiết giảm nhẹ: Không có.

5. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt hành chính: Phạt tiền

Cụ thể:

- Phạt tiền: 233.645.424 đồng (*bằng chữ: Hai trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng*) theo quy định tại Khoản 33, Điều 1, Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Khoản 2, Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ.

- Phạt tiền: 2.100.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu, một trăm nghìn đồng*) theo quy định tại Khoản 4, Điều 6 và Khoản 5, Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế do có hành vi khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp. Trong đó:

+ TM 4254: 206.010.531 đồng.

+ TM 4268: 29.734.893 đồng

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không có.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

* Chi tiết các biện pháp:

- Nộp đủ số tiền thuế TNDN còn thiếu vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 1.019.552.655 đồng (*bằng chữ: Một tỷ, không trăm mười chín triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm năm mươi lăm đồng*). Trong đó: Năm 2017: -4.349.464 đồng; Năm 2018: 1.023.902.119 đồng - TM 1052.

- Nộp đủ số tiền thuế TNCN còn thiếu vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 148.674.467 đồng (*bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó: Năm 2017: 31.397.785 đồng; Năm 2018: 117.276.682 đồng - TM 1001.

- Nộp tiền chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 99.466.327 đồng (*bằng chữ: Chín mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi sáu*

ngàn, ba trăm hai mươi bảy đồng) theo quy định tại khoản 32, Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Điều 3 Luật thuế số 106/2016/QH13 ngày 06/04/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB, Luật Quản lý thuế và Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ. Trong đó:

+ Nộp tiền chậm nộp tiền thuế TNDN: 83.807.228 đồng - TM 4918.

+ Nộp tiền chậm nộp tiền thuế TNCN: 15.659.099 đồng - TM 4917.

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 30/12/2019. Yêu cầu Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC Stone, tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 31/12/2019 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào ngân sách Nhà Nước.

* Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC Stone phải chấp hành quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định này.

* Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC Stone chi trả.

6. Một số nội dung xử lý khác: không

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Đức Công đại diện cho Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC Stone để chấp hành.

Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC Stone phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC Stone không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC Stone phải nộp tiền phạt, tiền khắc phục hậu quả vào tài khoản số tài khoản số 7111 của Kho bạc Nhà nước Hà Nội, cơ quan quản lý thu: Cục thuế TP Hà Nội trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận Quyết định xử phạt.

Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC Stone có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

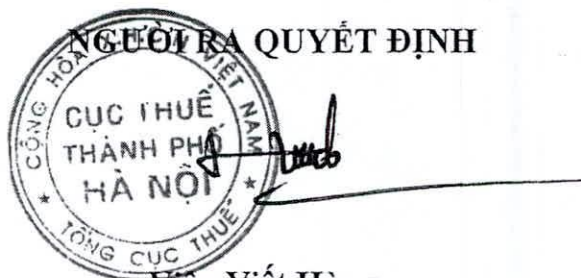
2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước Hà Nội để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng Thanh tra kiểm tra số 5; Phòng Kế khai và kế toán thuế; Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế để tổ chức thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: Hồ sơ, VT, TKT10 (03). (7;4)



Viên Viết Hùng
PHÓ CỤC TRƯỞNG

